

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **18/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/02/2024

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Triết

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số 532/1, ấp T Q A, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Quốc D, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 532/1, ấp TQA, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Bà và ông Huỳnh Quốc D cưới nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và được 02 bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B T năm 2011 (theo giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã BT cấp ngày 22/8/2011). Qua thời gian đầu chung sống hạnh phúc thì thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, do ông Huỳnh Quốc D bạo lực gia đình hay hăm dọa bà mỗi khi đi nhậu về nên làm tâm lý bà hoang mang lo sợ và ông D có quan hệ tình cảm với người đàn bà khác bên ngoài nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Huỳnh Quốc D. Bà không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Văn T, sinh ngày 09/7/2010 và Huỳnh Ánh D, sinh ngày 28/12/2016 (theo nguyện vọng của 02 con chung). Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 07/12/2023 bị đơn ông Huỳnh Quốc D trình bày:

Ông thống nhất với bà Lê Thị Q về thời gian cưới nhau, kết hôn, con chung nhưng nguyên nhân mất hạnh phúc là do ông nghi ngờ vợ ông có quan hệ tình cảm với tài xế lái xe tải làm thuê cho vợ ông nên ông đã nhiều lần nhắc nhở vợ ông việc này nhưng vẫn không thay đổi đỉnh điểm là vào khoảng hơn 01 tháng trước ông nghe anh P (tài xế xe tải) nói “Thấy chồng đối xử với em vậy anh đau lòng” nên tôi có hành vi lấy dao rượt chém anh P nhưng không chém trúng. Còn việc vợ ông cho rằng ông có quan hệ tình cảm với người đàn bà khác bên ngoài là không có, đó chỉ là bạn bè.

1. Về hôn nhân: ông không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Q. Ông không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Ông đồng ý để bà Lê Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Văn T, sinh ngày 09/7/2010 và Huỳnh Ánh D, sinh ngày 28/12/2016. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã nghiêm túc chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa nghiêm túc chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q.

Về hôn nhân: Bà Q được ly hôn với ông D. Không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

Về con chung: Bà Q được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Văn T, sinh ngày 09/7/2010 và Huỳnh Ánh D, sinh ngày 28/12/2016. Bà Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Q yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Quốc D, do bị đơn sinh sống tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Q có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Quốc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Bà Lê Thị Quyền và ông Huỳnh Quốc D cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B T năm 2011 (theo giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã B T ngày 22/8/2011) là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân thì được xác nhận tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt nên yêu cầu xin ly hôn của bà Q là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Lê Thị Q được ly hôn với ông Huỳnh Quốc D. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về con chung: Các bên thống nhất giao cho bà Q được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Văn T, sinh ngày 09/7/2010 và Huỳnh Ánh D, sinh ngày 28/12/2016 (theo nguyện vọng của 02 con chung) nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Q và ông D không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Q và ông D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Quyền phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 các Điều 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q. Cho bà Lê Thị Q được ly hôn với ông Huỳnh Quốc D. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về con chung: Bà Q được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Văn T, sinh ngày 09/7/2010 và Huỳnh Ánh D, sinh ngày 28/12/2016. Bà Quyền không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Ông Huỳnh Quốc D có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Q phải nộp 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số: 0000288 ngày 08/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Như vậy án phí bà Quyền đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

